TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Hùng

Ông Phạm Ngọc Biên

***- TH ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - **TH** ký Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị **L**; sinh năm: 1994; HKTT: Thôn **MT**, xã **LS**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn **NB**, xã **NA**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Lê Thế **T**; sinh năm: 1991; HKTT: Thôn **MT**, xã **LS**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn **MT**, xã **LS**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị **L**, anh **T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị **L** trình bày: Chị và anh Lê Thế **T** kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 10/02/2014 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **LS**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng

không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh **T** không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nộp đơn ly hôn lên Toà án nhưng sau đó nghĩ vì con nên chị đã rút đơn, nhưng đến nay anh **T** vẫn không thay đổi. Không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Anh **TH**, sinh ngày 29/4/2016. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **TH**, không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **L** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, bị đơn là anh Lê Thế **T** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì, sau khi chị **L** đi làm ở ngoài về thì muốn ly hôn anh, anh thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, có thể đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Anh **TH**, sinh ngày 29/4/2016. Hiện cháu đang ở với chị **L**. Nếu ly hôn, anh giao cháu **TH** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), **TH** ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **L** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **T** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Hà Thị **L** được ly hôn anh Lê Thế **T**. Giao cháu Lê Anh **TH**, sinh ngày 29/4/2016 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **L** và anh **T** thống nhất được về phần con cái, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Thế **T** không có mặt nên

Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **T** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **T** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **T** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Hà Thị **L** và anh Lê Thế **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2014 tại UBND xã **LS**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND xã **LS** xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **T** lên làm việc để hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh **T** đều không có mặt, thể hiện anh **T** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **L**, anh **T** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **L** được ly hôn anh **T**.

[3] Về con cái: Chị **L** và anh **T** có 01 con chung. Chị **L** và anh **T** đều có nguyện vọng giao cháu **TH** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị **L**. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **L** và anh **T**, giao cháu **TH** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị **L**, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **L**, anh **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị **L** được ly hôn anh Lê Thế **T**.

2. Về con cái: Giao cháu Lê Anh **TH**, sinh ngày 29/4/2016 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **T** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị **L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0012046 ngày 14/10/2020. Chị **L** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị **L**, anh **T**. Chị **L**, anh **T** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **LS**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phạm Thanh Hùng **Phạm Ngọc Biên** **Nguyễn Thanh Tân**